

Số: 97/2016/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHOÁ IX; KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 156/TTr-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp đối với lệ phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 298/BC-HĐND, ngày 16 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Các cá nhân có nhu cầu làm thẻ mượn, thẻ đọc tài liệu tại các thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Mức thu phí

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
-------	----------	-------------	---------

I	Thư viện tỉnh		
1	Phí mượn, đọc tài liệu đối với bạn đọc là người lớn (từ đủ 16 tuổi trở lên)		
1.1	Thẻ mượn tài liệu về nhà	đồng/thẻ/năm	15.000
1.2	Thẻ đọc tài liệu tại thư viện	đồng/thẻ/năm	10.000
2	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và phòng đọc đặc biệt khác	đồng/thẻ/năm	30.000
II	Thư viện huyện		
1	Phí mượn, đọc tài liệu đối với bạn đọc là người lớn (từ đủ 16 tuổi trở lên)		
1.1	Thẻ mượn tài liệu về nhà	đồng/thẻ/năm	10.000
1.2	Thẻ đọc tài liệu tại thư viện	đồng/thẻ/năm	5.000
2	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và phòng đọc đặc biệt khác	đồng/thẻ/năm	20.000
III	Đối các dịch vụ hoạt động dịch vụ khác như: dịch thuật, sao chụp tài liệu, khai thác sử dụng mạng thông tin thư viện trong nước và quốc tế, lập danh mục tài liệu theo chuyên đề, cung cấp các sản phẩm thông tin đã được xử lý theo yêu cầu bạn đọc, vận chuyển tài liệu cho bạn đọc trực tiếp hoặc qua bưu điện... là giá dịch vụ, thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu		

3. Đối tượng miễn, giảm thu phí

a) Đối tượng miễn thu: Bạn đọc là trẻ em (từ đủ 06 đến dưới 16 tuổi); người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật; người khuyết tật đặc biệt nặng; người vừa thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa vừa thuộc diện người khuyết tật nặng;

b) Đối tượng được giảm 50% mức thu phí: Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về “Chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa”. Trường hợp khó xác định là đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì chỉ cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi đối tượng cư trú; người khuyết tật nặng.

4. Quản lý và sử dụng phí

a) Cơ quan thu phí được trích lại 90% trên tổng số tiền phí thu được trước khi nộp vào ngân sách nhà nước để trang trải cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí. Nộp 10% tiền phí còn lại nộp vào ngân sách nhà nước theo Chương, mã nội dung kinh tế của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng, chứng từ thu, công khai chế độ thu phí thư viện không đề cập tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017. *Phúc*

Nơi nhận:

- UBND, VPQH, VPCP (I, II), BCTĐB;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản (BTP);
- Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ;
- TT/TU, TT/UBND, UBNDTTQVN Tỉnh;
- Đoàn ĐBQH Tỉnh, Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy;
- Các Sở ngành Tỉnh;
- TT/HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH



Phan Văn Thắng